Vietnam Auditing
and Valuation
Company Limited

Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế
mgiworldwide

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI

HÀNG HẢI HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4-5
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng là một doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200770422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 22/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 02/08/2019.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 16 Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Ông:	Chu Minh Hoàng	Chủ tịch
Bà:	Nguyễn Thị Hằng	Ủy viên
Bà:	Nguyễn Thanh Ngọc	Ủy viên

Ban Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Ông:	Bùi Thanh Khéo	P Giám đốc phụ trách
Ông:	Đào Mạnh Dũng	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam .

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 02 năm 2024

TM. Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HÀNG HẢI HẢI PHÒNG

Bùi Thanh Khéo

Số : 02 /BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng được lập ngày 26/02/2024 từ trang 6 đến trang 23 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM TẠI QUẢNG NINH

ĐẶNG THANH TUẤN	**NGUYỄN HỒNG HẢI**
Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHNKT số: 0551-2023-126-1	*Giấy CNĐKHNKT số: 1218-2023-126-1*

Thay mặt và đại diện cho

CN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM TẠI QUẢNG NINH

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 02 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**97.524.846.951**	**4.375.320.128**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**95.411.535.225**	**398.771.403**
1. Tiền	111	V.01	95.411.535.225	398.771.403
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	V.02		**2.100.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			2.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.923.491.200**	**1.702.834.164**
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.720.000.000	1.500.000.000
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04		
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	203.491.200	202.834.164
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**189.820.526**	**173.714.561**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		186.599.027	173.714.561
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.06	3.221.499	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**86.052.174.824**	**85.774.397.046**
I. Tài sản cố định	**220**		**18.561.985.417**	**18.561.985.417**
1. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	18.561.985.417	18.561.985.417
- Nguyên giá	*228*		*20.429.083.000*	*20.429.083.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*229*		*(1.867.097.583)*	*(1.867.097.583)*
II. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	V.08	**67.490.189.407**	**67.212.411.629**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		67.490.189.407	67.212.411.629
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**183.577.021.775**	**90.149.717.174**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**99.349.406.822**	**5.148.267.384**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**99.349.406.822**	**5.148.267.384**
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	4.022.412.200	3.386.187.601
2. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	94.366.335.599	1.420.760
3. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		960.659.023	1.760.659.023
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**84.227.614.953**	**85.001.449.790**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.11	**84.227.614.953**	**85.001.449.790**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		85.098.700.000	85.098.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*85.098.700.000*	*85.098.700.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.210.400.195	3.210.400.195
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.081.485.242)	(3.307.650.405)
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		*(3.307.650.405)*	*(2.291.341.566)*
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		*(773.834.837)*	*(1.016.308.839)*
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**183.577.021.775**	**90.149.717.174**

Hải Phòng, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	TM. Ban Giám đốc
Đặng Thị Hoài Yến	Đào Mạnh Dũng	Bùi Thanh Khéo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HÀNG HẢI HẢI PHÒNG

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**145.000.000**	**180.000.000**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**145.000.000**	**180.000.000**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.2**	**908.933.000**	**908.933.000**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(763.933.000)	(728.933.000)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	111.418.048	132.447.175
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	393.999.785	419.823.014
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(1.046.514.737)**	**(1.016.308.839)**
11. Thu nhập khác	31		272.679.900	
12. Chi phí khác	32		-	
13. Lợi nhuận khác	40		272.679.900	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(773.834.837)**	**(1.016.308.839)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**(773.834.837)**	**(1.016.308.839)**

Hải Phòng, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	TM. Ban Giám đốc
Đặng Thị Thảo Yến	Đào Mạnh Dũng	Bùi Thanh Khéo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	145.000.000	180.000.000
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(220.000.000)	(205.463.215)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(296.091.200)	(293.425.600)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	96.346.601.697	29.624.688
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(996.386.945)	(141.298.078)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	***94.979.123.552***	***(430.562.205)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(277.777.778)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.800.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.200.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	111.418.048	132.447.175
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***-166.359.730***	***532.447.175***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	200.000.000	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	***200.000.000***	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	**95.012.763.822**	**101.884.970**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	**398.771.403**	**296.886.433**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	**95.411.535.225**	**398.771.403**

Hải Phòng, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	TM. Ban Giám đốc
Đặng Thị Thanh Yến	Đào Mạnh Dũng	Bùi Thanh Khéo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng là một doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200770422 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2007, đăng kí sửa đổi lần thứ 4 ngày 02 tháng 08 năm 2019.

Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 85.098.700.000 đồng *(Tám mươi lăm tỷ, chín mươi tám triệu, bảy trăm nghìn đồng)*

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 16 Hoàng Diệu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200770422 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 22 tháng 11 năm 2007, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới, khu vui chơi giải trí, khu thương mại; công trình công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại (bao gồm xây dựng văn phòng, khách sạn, nhà hàng, căn hộ chung cư cao cấp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình công ích, chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày chi tiết: Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động chi tiết: nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp , đám cưới…);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt chi tiết vận tải hành khách bằng taxi);
- Vận tải hành khách đường bộ khác: vận tải bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;

- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ môi giới vận tải;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Đại lý môi giới đấu giá: Đại lý ký gửi hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm);
- Môi giới hợp đồng hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn sắt, thép nguyên liệu và thành phẩm, thép hình, thép không định hình, thép ống, tôn tấm các loại;
- Bán buôn tre, nứa gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói cát đá sỏi; kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim; các loại ống dẫn; thiết bị phụ tùng ghép nối ống;
- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Đến thời điểm 31/12/2023, Văn phòng Công ty đặt tại số 16 Hoàng Diệu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch. Cho kỳ kế toán này.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là "đ"; ký hiệu quốc tế là "VND").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ…

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

10. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1 . Tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt tại quỹ	183.304.593	392.794.742
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	95.228.230.632	5.976.661
Cộng	**95.411.535.225**	**398.771.403**

2 . Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	**Giá trị ghi sổ**	**Giá gốc**	**Giá trị ghi sổ**
- Tiền gửi có kỳ hạn		0	2.100.000.000	2.100.000.000
Cộng	**0**	**0**	**2.100.000.000**	**2.100.000.000**

3 . Trả trước người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
a) Trả trước cho người bán	1.720.000.000	1.500.000.000
- Viện kinh tế xây dựng	*80.000.000*	*80.000.000*
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Bạch Đằng	*1.620.000.000*	*1.400.000.000*
- CN công ty CP định giá và dịch vụ tài chính VN tại HP	*20.000.000*	*20.000.000*
- Công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Bạch Đằng		
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	**1.720.000.000**	**1.500.000.000**

4 . Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Cộng	**0**	**0**

5 . Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác	0	-	-	-
Tạm ứng	202.680.000	-	202.680.000	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-	-	-
Dư nợ phải trả, phải nộp khác	811.200	-	154.164	-
Cộng	**203.491.200**	**-**	**202.834.164**	**-**

6 . Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	221.499,00	221.499,00
- Thuế khác	-		3.000.000,00	3.000.000,00
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	**-**	**-**	**3.221.499,00**	**3.221.499,00**

7 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.429.083.000		20.429.083.000
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	20.429.083.000	-	20.429.083.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	(1.867.097.583)		(1.867.097.583)
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	(1.867.097.583)	-	(1.867.097.583)
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	18.561.985.417	-	18.561.985.417
Tại ngày cuối kỳ	18.561.985.417	-	18.561.985.417

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tại 31/12/2022 đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay: đồng

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại 31/12/2022 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: đồng

8 . Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	67.490.189.407	67.212.411.629
- Trụ sở văn phòng	*72.322.300*	*72.322.300*
- Trung tâm thương mại hàng hải, số 16 Hoàng Diệu.	*67.417.867.107*	*67.140.089.329*
	67.490.189.407	**67.212.411.629**

9 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2023	Số hạch toán trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2023
Thuế giá trị gia tăng	-		-	-
Thuế thu nhập cá nhân	28.501	600.000	628.501	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	3.386.159.100	908.933.000	272.679.900	4.022.412.200
Các loại thuế khác	-			-
Cộng	**3.386.187.601**	**909.533.000**	**273.308.401**	**4.022.412.200**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10 . Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2023	01/01/2023
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.764.422	1.420.760
- Phải thu khác dư Có	94.364.571.177,00	
Cộng	**94.366.335.599**	**1.420.760**

11 . Vốn chủ sở hữu

11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 01)

11.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	23.500.000.000	23.500.000.000
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH xây dựng văn hóa Ngọc Việt	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty cổ phần cảng Đoạn Xá	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TM CP Á Châu	9.000.000.000	9.000.000.000
Cổ đông khác	26.598.700.000	26.598.700.000
Cộng	**85.098.700.000**	**85.098.700.000**

11.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.	31/12/2023	01/01/2023
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**85.098.700.000**	**85.098.700.000**
+ Vốn góp đầu kỳ	85.098.700.000	85.098.700.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	85.098.700.000	85.098.700.000

11.4. Cổ phiếu	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.509.870	8.509.870
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	8.509.870	8.509.870
- Cổ phiếu phổ thông	8.509.870	8.509.870
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.509.870	8.509.870
- Cổ phiếu phổ thông	8.509.870	8.509.870
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

11.5. Các quỹ của doanh nghiệp:	31/12/2023	01/01/2023
- Quỹ đầu tư phát triển	3.210.400.195	3.210.400.195

11.6 Phân phối lợi nhuận	Kỳ này	Ghi chú
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	(3.307.650.405)	(1)
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh kỳ này	(773.834.837)	(2)
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận		(3)
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận		(4)
Lợi nhuận được chia cổ tức và PP các quỹ trong kỳ	(4.081.485.242)	(5) = (1) + ...+ (4)
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	-	(6) = (7) + (8) + (9)
- Chia cổ tức năm trước		(7)
- Trích quỹ Đầu tư phát triển		(8)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(9)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	**(4.081.485.242)**	(10) = (5) + (6)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	145.000.000	180.000.000
Cộng	**145.000.000**	**180.000.000**

2 . Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	908.933.000	908.933.000
Cộng	**908.933.000**	908.933.000

3 . Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	111.418.048	132.447.175
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Cộng	**111.418.048**	**132.447.175**

4 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	***393.999.785***	***419.823.014***
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	393.999.785	419.823.014
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	*393.999.785*	*419.823.014*

5 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
a. Lợi nhuận trước thuế	(773.834.837)	(1.016.308.839)
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế		
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	(773.834.837)	(1.016.308.839)
d. Thuế TNDN ={(c)*thuế suất thuế TNDN}	-	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

3 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam tại Quảng Ninh

4 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	T.M. Ban Giám đốc
Đặng Thị Hoài Yến	Đào Mạnh Dũng	Bùi Thanh Khéo

Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**85.098.700.000**		**3.210.400.195**	**(2.291.341.566)**	**86.017.758.629**
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	(1.016.308.839)	(1.016.308.839)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	*(1.016.308.839)*	*(1.016.308.839)*
Số dư đầu năm nay	**85.098.700.000**	-	**3.210.400.195**	**(3.307.650.405)**	**85.001.449.790**
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	(773.834.837)	(773.834.837)
Lỗ trong năm	-	-	-	*(773.834.837)*	*(773.834.837)*
Số dư cuối kỳ	**85.098.700.000**	-	**3.210.400.195**	**(4.081.485.242)**	**84.227.614.953**

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM TẠI QUẢNG NINH

Trụ sở chính
Tầng 14 Tòa nhà SUDICO, đường Mễ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax:(+84 24) 3868 6248

Chi nhánh Quảng Ninh
Tổ 4, Khu 4, P.Giếng Đáy,
TP Hạ Long, Quảng Ninh
Tel: (+84 203) 382 2030
Fax: (+84 203) 382 2030

Văn phòng đại diện KV miền Trung
Số 23 Mai Hắc Đế, TP Vinh, Nghệ An
Tel: (+84 238) 354 1046
Fax: (+84 238) 354 1046
Website: kiemtoanava.com.vn

-Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HẢNG HẢI HẢI PHÒNG
-Ký ngày: 14/03/2024 10:11:02 (Asia/Ho_Chi_Minh)

-Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HẢNG HẢI HẢI PHÒNG
-Ký ngày: 14/03/2024 10:11:02 (Asia/Ho_Chi_Minh)